

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 232/2017/HNGĐ-ST

Ngày 28-9-2017

V/v xin ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Duyên Văn Hiền.

Ông Bùi Xuân Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 337/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Mã Thị Ngọc C, sinh năm 1988; cư trú tại số 168, đường C, phường Q, thị xã G, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Chí N, sinh năm 1983; cư trú tại khóm 6A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22-5-2017 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Mã Thị Ngọc C trình bày:

Về hôn nhân: Chị C và anh Nguyễn Chí N tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã G, tỉnh Kiên Giang ngày 25-4-2007. Trong thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do kinh tế gia đình gặp khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị C và anh N đã ly thân ngày 24-6-2015. Nay chị C yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị C và anh N có 02 con chung là Nguyễn Ngọc T (nữ), sinh ngày 12-6-2011 và Nguyễn Quốc K (nam), sinh ngày 11-9-2014. Các con hiện đang sống với chị C. Khi ly hôn, chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Chị C xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Nguyễn Chí N đúng theo quy định pháp luật nhưng anh N không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Chí N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng anh N.

[2] Về hôn nhân: Chị Mã Thị Ngọc C và anh Nguyễn Chí N tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 24-11-2007 đúng theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh N được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Chị C cho rằng nguyên nhân dẫn đến yêu cầu ly hôn là trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng bất đồng về vấn đề tài chính dẫn đến thường xuyên cãi nhau nhưng quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn không có văn bản thể hiện ý kiến và phía nguyên đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh mâu thuẫn của vợ chồng đến mức trầm trọng nên không có căn cứ để chấp nhận đây là nguyên nhân mâu thuẫn để xem xét cho ly hôn. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị C xác định vợ chồng đã ly thân từ ngày 24-6-2015 cho đến nay và trong khoảng thời gian ly thân thì anh N cũng không có thiện chí đoàn tụ với chị C. Hiện nay, chị C không còn tình cảm vợ chồng với anh N và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn với anh N. Đồng thời, khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ. Trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị C được ly hôn với anh N.

[3] Về nuôi con chung: Chị C và anh N có 02 con chung là Nguyễn Ngọc T (nữ), sinh ngày 12-6-2011 và Nguyễn Quốc K (nam), sinh ngày 11-9-2014. Các con hiện đang sống với chị C. Khi ly hôn, chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, anh N không có văn bản phản bác và cũng không đặt ra yêu cầu về quyền nuôi con. Hơn nữa, từ khi chị C và anh N ly thân thì chị C là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu K. Do đó, cần chấp

nhận yêu cầu của chị C, chị C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T và cháu K. Anh N không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị C không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Chị C xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Mã Thị Ngọc C phải chịu 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Mã Thị Ngọc C được ly hôn với anh Nguyễn Chí N.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc T (nữ), sinh ngày 12-6-2011 và Nguyễn Quốc K (nam), sinh ngày 11-9-2014 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Chí N không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Mã Thị Ngọc C phải chịu 300.000 đồng, ngày 30 tháng 5 năm 2017 đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0007006 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Mã Thị Ngọc C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Chí N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND phường Q, thị xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Dương Minh Út